

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 2
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị sản xuất		
Mã học phần:	71SCMN40123	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40123		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024**.

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày rõ ràng khái niệm quản trị sản xuất, tầm quan trọng của quản trị sản xuất, hệ thống sản xuất	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm 1 tới 4	5/3	PI 3.1
CLO2	Trình bày được vai trò của dự báo trong quản trị sản xuất và hiểu các phương pháp dự báo cơ bản trong quản trị sản xuất	Trắc nghiệm	20%	Câu trắc nghiệm từ 5 tới 12	5/3	PI 3.2
CLO3	Hiểu và nắm vững các nguyên tắc điều độ sản xuất và phân giao công việc trong các hệ thống sản xuất khác nhau	Tự luận	25%	Câu tự luận 1	4	PI 3.2
CLO4	Hiểu và ứng dụng các kỹ thuật tối ưu hóa trong sản xuất	Tự luận	25%	Câu tự luận 2	2	PI 7.3
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; tổ chức công việc tốt; giao tiếp với người khác một cách hiệu quả (bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điện thoại, văn bản,...); thuyết trình và nói trước đám đông một cách tự tin; vận dụng tốt khả năng tư duy phản biện và nhận xét.	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm từ 12 tới 15	2/3	PI 7.1
CLO6	Tuân thủ các quy định pháp luật và các giá trị đạo đức kinh doanh trong hoạt động thương mại; đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm; khả năng chịu được áp	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm từ 16 tới 20		PI 10.1

	lực trong công việc; trung thực; có tính kỷ luật trong môi trường học tập và làm việc; có ý thức tự học suốt đời					
--	--	--	--	--	--	--

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi, 5 điểm)

Câu 1: Khi xem xét yếu tố môi trường trong thiết kế sản phẩm, dịch vụ, đâu không phải là một trong ba yếu tố "3R"?

- a. Remove (Loại bỏ)
- b. Reuse (Tái sử dụng)
- c. Recycle (Tái chế)
- d. Reduce (Giảm thiểu)

ANSWER: A

Câu 2: Đây là lý do thuộc về yếu tố kinh tế để thiết kế và tái thiết kế sản phẩm, dịch vụ?

- a. Phản nản của khách hàng gia tăng
- b. Các công nghệ mới
- c. Sự dịch chuyển/xu hướng hiện tại
- d. Vấn đề an toàn, môi trường.

ANSWER: A

Câu 3: Yếu tố nào sau đây không phải là lý do chính để thiết kế và tái thiết kế sản phẩm, dịch vụ?

- a. Sở thích cá nhân của lãnh đạo
- b. Xã hội, dân số
- c. Kinh tế
- d. Chính trị, luật pháp

ANSWER: A

Câu 4: Trong các phát biểu sau, đâu là định nghĩa chính xác về "năng lực" trong bối cảnh quản lý vận hành?

- a. Giới hạn tối đa về tải mà hệ thống có thể xử lý mà không ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động
- b. Mức độ tối ưu hóa chi phí mà hệ thống có thể đạt được trong quá trình vận hành.
- c. Khả năng duy trì hiệu suất của hệ thống dưới mọi điều kiện hoạt động.
- d. Khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của hệ thống trong các giai đoạn cao điểm.

ANSWER: A

Câu 5: Một hệ thống có năng lực thiết kế là 60 đơn vị/ngày, năng lực thực tế là 50 đơn vị/ngày, và sản lượng thực tế đạt được là 40 đơn vị/ngày. Hỏi hiệu suất và độ hữu dụng của hệ thống lần lượt là bao nhiêu?

- a. Hiệu suất 80%, độ hữu dụng 67%
- b. Hiệu suất 80%, độ hữu dụng 65%
- c. Hiệu suất 85%, độ hữu dụng 67%
- d. Hiệu suất 85%, độ hữu dụng 65%

ANSWER: A

Câu 6: Trong các lựa chọn sau, đâu là đặc điểm của nhu cầu năng lực dài hạn?

- a. Gắn liền với quy mô nhà xưởng, các xu hướng và chu kỳ dài hạn.
- b. Liên quan đến các biến đổi do tính mùa vụ và dao động ngẫu nhiên.
- c. Phụ thuộc vào sự thay đổi đột ngột của nhu cầu khách hàng.
- d. Phản ánh các biến động bất thường trong nhu cầu sản xuất.

ANSWER: A

Câu 7: Yếu tố nào sau đây không phải là một trong các yếu tố chính cần xem xét khi quyết định giữa In-house và Outsource?

- a. Thời gian giao hàng
- b. Năng lực sẵn sàng
- c. Chi phí
- d. Rủi ro

ANSWER: A

Câu 8: Một công ty cần quyết định giữa sản xuất (Make) và mua ngoài (Buy) một linh kiện với chi phí như sau:

- Định phí hàng năm khi tự sản xuất là \$150,000, biến phí là \$60/cái.
- Khi mua ngoài, không có định phí và biến phí là \$80/cái.
- Sản lượng dự kiến hàng năm là 12,000 cái.

Với sản lượng này, công ty nên chọn phương án nào?

- a. Sản xuất trong công ty (Make), vì tổng chi phí thấp hơn.
- b. Mua ngoài (Buy), vì tổng chi phí thấp hơn.
- c. Cả hai phương án có tổng chi phí như nhau.
- d. Không thể xác định vì thiếu thông tin.

ANSWER: A

Câu 9: Một nhà quản lý đang đánh giá việc mua một máy cho dự án. Chi phí cố định hàng năm để vận hành máy này là \$12,000, với biến phí là \$20 cho mỗi sản phẩm được sản xuất. Sản phẩm được bán với giá \$60 mỗi sản phẩm. Điểm hòa vốn tính theo số lượng sản phẩm là bao nhiêu?

- a. 300 sản phẩm
- b. 200 sản phẩm
- c. 250 sản phẩm
- d. 150 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 10: Yếu tố nào dưới đây không phải là một thành phần trong mặt bằng làm việc?

- a. Quy trình công việc
- b. Máy móc, trang thiết bị
- c. Nguyên vật liệu, bán thành phẩm và sản phẩm
- d. Các bộ phận/trạm làm việc

ANSWER: A

Câu 11: Điểm nào sau đây là một ưu điểm của mặt bằng theo quy trình?

- a. Linh hoạt, dễ dàng điều chỉnh khi có nhu cầu sản xuất khác nhau.
- b. Tăng hiệu suất làm việc nhờ quy trình sản xuất cố định và liên tục.
- c. Giảm thiểu thời gian di chuyển giữa các khu vực sản xuất.
- d. Giảm chi phí vận hành bằng cách tối ưu hóa đường di chuyển.

ANSWER: A

Câu 12: Loại mặt bằng nào sau đây là phù hợp nhất cho quy trình sản xuất theo dự án (Project)?

- a. Mặt bằng cố định (Fixed Layout)
- b. Mặt bằng theo sản phẩm (Product Layout)
- c. Mặt bằng theo quy trình (Process Layout)
- d. Mặt bằng hỗn hợp (Combination Layouts)

ANSWER: A

Câu 13: Loại mặt bằng nào phù hợp nhất cho may công nghiệp tại nhà máy May Thành Công?

- a. Mặt bằng theo sản phẩm
- b. Mặt bằng cố định
- c. Mặt bằng theo quy trình
- d. Tất cả các phương án đều đúng

ANSWER: A

Câu 14: Thời gian định mức (Standard time) được xác định dựa trên điều kiện nào sau đây?

- a. Công nhân hoàn thành công việc theo phương pháp, công cụ, và trang thiết bị đã được sắp xếp trước.
- b. Công nhân hoàn thành công việc mà không cần công cụ hoặc thiết bị hỗ trợ.
- c. Công nhân thực hiện công việc với tốc độ nhanh nhất có thể.
- d. Công nhân có thể nghỉ ngơi bất cứ lúc nào trong quá trình làm việc.

ANSWER: A

Câu 15: Phương pháp nào sau đây không phải là một phương pháp định mức thời gian công việc?

- a. Phân tích chi phí sản xuất (production cost analysis)
- b. Định mức thời gian định trước (predetermined time standards)
- c. Định mức thời gian theo kinh nghiệm/từ số liệu trong quá khứ (historical times)
- d. Nghiên cứu thời gian bằng phương pháp bấm giờ (stopwatch time study)

ANSWER: A

Câu 16: Hệ thống trả lương nào dựa trên số lượng sản phẩm mà một công nhân tạo ra?

- a. Hệ thống dựa trên sản lượng
- b. Hệ thống dựa trên thời gian
- c. Hệ thống dựa trên kinh nghiệm làm việc
- d. Hệ thống trả lương theo mức lương cố định hàng tháng

ANSWER: A

Câu 17: Điều độ sản xuất có nhiệm vụ chủ yếu nào sau đây?

- a. Lựa chọn và triển khai kế hoạch sản xuất nhằm khai thác tối đa năng lực sản xuất.
- b. Xây dựng các chiến lược tiếp thị để mở rộng thị phần cho doanh nghiệp.
- c. Tăng cường chất lượng sản phẩm thông qua kiểm soát quy trình sản xuất nghiêm ngặt.
- d. Đánh giá hiệu quả của từng cá nhân trong quá trình làm việc để tối ưu hóa năng suất lao động.

ANSWER: A

Câu 18: Hoạt động nào sau đây không phải là một phần của quá trình điều độ sản xuất?

- a. Phát triển chiến lược quảng cáo cho sản phẩm..
- b. Điều phối, phân giao công việc và thời gian.
- c. Sắp xếp thứ tự các công việc trên máy và nơi làm việc.
- d. Xây dựng lịch trình sản xuất.

ANSWER: A

Câu 19: Nguyên lý cơ bản của phương pháp Lean là gì?

- a. Tối đa hóa giá trị khách hàng và giảm thiểu lãng phí
- b. Tăng cường sản xuất hàng loạt để giảm chi phí
- c. Tập trung vào tăng trưởng doanh thu bằng mọi giá
- d. Giảm thiểu thời gian nghỉ và tăng ca liên tục

ANSWER: A

Câu 20: Trong phương pháp Lean, loại lãng phí nào sau đây không nằm trong 7 loại lãng phí cơ bản?

- a. Đào tạo nhân viên (Employee Training)
- b. Vận chuyển (Transport)

- c. Tồn kho (Inventory)
d. Sản xuất dư thừa (Over-production)

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi)

Câu hỏi 1: (2 điểm)

Một dây chuyền sản xuất bao gồm 8 công việc với các thông tin trong bảng sau:

Công việc	Công việc liên sau	Thời gian (giây)
A	-	60
B	A	70
C	A	110
D	B	30
E	C	100
F	C	40
G	D,E,F	60
H	G	70

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Vẽ giản đồ quan hệ trước sau
- Giải sử mỗi ngày làm việc 7 tiếng, tính thời gian chu kỳ cần thiết (takt time) để sản xuất 180 sản phẩm trên ngày.
- Xác định số trạm làm việc yêu cầu ít nhất
- Gán công việc vào các trạm làm việc theo nguyên tắc công việc có thời gian dài nhất (chọn công việc có sẵn mà có thời gian dài nhất)

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Một doanh nghiệp nhận được 5 đơn hàng cung ứng sản phẩm có thời gian như bảng bên dưới. Với phương pháp phân công công việc theo nguyên tắc đến trước làm trước, hãy xác định các chỉ tiêu:

Công việc	Thời gian sản xuất (ngày)	Thời gian hoàn thành (ngày)
A	5	8
B	4	9
C	3	9
D	7	15
E	6	13

- Dòng thời gian trung bình
- Số công việc trung bình
- Thời gian chậm trung bình
- Hiệu quả của phương án

Câu hỏi 3: (1 điểm)

Bất kỳ hoạt động di chuyển nào không làm tăng giá trị sản phẩm cho khách hàng (Hoạt động di chuyển không được khách hàng trả tiền) là lãng phí do di chuyển. Bạn hãy nêu nguyên nhân dẫn đến lãng phí này và những giải pháp khắc phục.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																																									
I. Trắc nghiệm		5.0																																										
II. Tự luận		5.0																																										
Câu hỏi 1		2.0																																										
Nội dung a)	<pre>graph LR; A((A)) --> B((B)); A --> C((C)); B --> D((D)); C --> E((E)); C --> F((F)); D --> G((G)); E --> G; F --> G; G --> H((H))</pre>	0.5																																										
Nội dung b)	Takt time = Tổng thời gian có sẵn / Nhu cầu = 7 giờ / ngày * 60 phút / giờ * 60 giây / 180 sản phẩm = 25.200 giây / 180 sản phẩm = 140 giây / sản phẩm	0.5																																										
Nội dung c)	Số trạm làm việc tối ưu: $N = \frac{\sum t \text{ (Tổng thời gian hoàn thành sản phẩm)}}{\text{Thời gian chu kỳ mong muốn}}$ $N = \frac{60 + 70 + 110 + 30 + 100 + 40 + 60 + 70}{140}$ $N = \frac{540}{140} = 3,86 = 4 \text{ trạm}$	0.5																																										
Nội dung d)	<table><tr><th>Trạm</th><th>Công việc khả dĩ</th><th>Công việc được chọn</th><th>Thời gian gia công (giây)</th><th>Thời gian còn lại (giây)</th></tr><tr><td rowspan="2">1</td><td>A</td><td>A</td><td>60</td><td>80</td></tr><tr><td>B,C</td><td>B</td><td>70</td><td>10</td></tr><tr><td rowspan="2">2</td><td>C,D</td><td>C</td><td>110</td><td>30</td></tr><tr><td>D,E,F</td><td>D</td><td>30</td><td>0</td></tr><tr><td rowspan="2">3</td><td>E,F</td><td>E</td><td>100</td><td>40</td></tr><tr><td>F</td><td>F</td><td>40</td><td>0</td></tr><tr><td rowspan="2">4</td><td>G</td><td>G</td><td>60</td><td>80</td></tr><tr><td>H</td><td>H</td><td>70</td><td>10</td></tr></table>	Trạm	Công việc khả dĩ	Công việc được chọn	Thời gian gia công (giây)	Thời gian còn lại (giây)	1	A	A	60	80	B,C	B	70	10	2	C,D	C	110	30	D,E,F	D	30	0	3	E,F	E	100	40	F	F	40	0	4	G	G	60	80	H	H	70	10		
Trạm	Công việc khả dĩ	Công việc được chọn	Thời gian gia công (giây)	Thời gian còn lại (giây)																																								
1	A	A	60	80																																								
	B,C	B	70	10																																								
2	C,D	C	110	30																																								
	D,E,F	D	30	0																																								
3	E,F	E	100	40																																								
	F	F	40	0																																								
4	G	G	60	80																																								
	H	H	70	10																																								
Câu hỏi 2		2.0																																										

Nội dung a)		Công việc	Thời gian sản xuất (ngày)	Thời gian hoàn thành (ngày)	Dòng thời gian (ngày)	Thời gian chậm trễ (ngày)	0.5	
	A	5	8	5	-			
	B	4	9	9	-			
	C	3	9	12	3			
	D	7	15	18	3			
	E	6	13	24	11			
	TỔNG	25	54	68	17			
	Đây là bảng bắt buộc sinh viên phải thực hiện nếu muốn ra đáp án Dòng thời gian trung bình = $\frac{68}{5} = 13,6$ ngày							
Nội dung b)	Số công việc trung bình = $\frac{68}{25} = 2,72$ ngày						0.5	
Nội dung c)	Thời gian chậm trung bình = $\frac{17}{5} = 3,4$ ngày						0.5	
Nội dung d)	Hiệu quả của phương án = $\frac{25}{68} \times 100\% = 41,18\%$						0.5	
Câu hỏi 3	* Nguyên nhân gây ra lãng phí do di chuyển (Sinh viên chỉ cần trả lời đúng 2 ý là trọn điểm) - Nhà xưởng cũ / sẵn có / khó thay đổi. - Không nhận dạng được lãng phí. - Các bước luân chuyển không chuẩn hoá. - Bố trí thiết bị kém (Process focus). - Bố trí khu vực theo chức năng. - Sản xuất theo lô. - Công nhân độc quyền kỹ năng => Ngồi 1 chỗ. - Nhu cầu vận chuyển giả. * Giải pháp: (Sinh viên chỉ cần trả lời đúng 2 ý là trọn điểm) - Thiết kế dây chuyền chữ U – liên tục. - Hợp lý hoá mặt bằng. - Chuẩn hoá quy trình – sự luân chuyển. - Nhận diện các nhu cầu vận chuyển GIẢ. - Đào tạo công nhân đa kỹ năng.						1.0	
	Điểm tổng						10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Giảng viên ra đề

Nguyễn Viết Tĩnh

**Nguyễn Văn Thuận
Nguyễn Minh Nhật**